ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 113 /KH-UBND	*Lào Cai, ngày 18 tháng 3 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện "Đề án 08-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai ngày 29/12/2025 về phát triển Công nghiệp tỉnh Lào Cai theo hướng xanh, hiện đại giai đoạn 2026-2030" năm 2026

Thực hiện Đề án số 08-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về phát triển Công nghiệp tỉnh Lào Cai theo hướng xanh, hiện đại giai đoạn 2026-2030 (*Ban hành kèm theo tại Nghị quyết số 35-NQ/TU ngày 29/12/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai)*; Kế hoạch số 42-KH/ĐU ngày 11/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh thực hiện Đề án 08-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai ngày 29/12/2025 về phát triển Công nghiệp tỉnh Lào Cai theo hướng xanh, hiện đại giai đoạn 2026-2030. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch thực hiện "Đề án 08-ĐA/TU của Tỉnh ủy Lào Cai ngày 29/12/2025 về phát triển Công nghiệp tỉnh Lào Cai theo hướng xanh, hiện đại giai đoạn 2026-2030" năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Đề án 08-ĐA/TU để tổ chức thực hiện, đảm bảo việc triển khai được đồng bộ và hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tiễn, tiềm năng và nguồn lực của tỉnh Lào Cai.

Năm 2026 được xác định là năm đầu tiên triển khai đồng bộ các giải pháp đột phá, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực then chốt để tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp tỉnh nhà. Kế hoạch đảm bảo hoàn thành mục tiêu đến năm 2026 và chiến lược đến năm 2030 về tăng trưởng công nghiệp, cơ cấu kinh tế, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải đảm bảo rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; đồng thời phải xây dựng được cơ chế giám sát và đánh giá định kỳ. Các hoạt động thực hiện phải dựa trên chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đảm bảo tính khoa học, toàn diện, đúng quy chuẩn và quy định hiện hành.

Các Sở, Ban, ngành, địa phương cần phối hợp chặt chẽ để kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai toàn diện và hiệu quả Đề án 08 phát triển công nghiệp theo hướng xanh, hiện đại trong năm 2026, tập trung vào việc tái cơ cấu ngành công

nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và đảm bảo phát triển bền vững. Tạo đột phá trong thu hút đầu tư vào các dự án công nghệ cao, hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp và cụm công nghiệp hiện có, đồng thời giải quyết dứt điểm các vấn đề môi trường tồn đọng.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2026 tăng: 12%.

- Phấn đấu thành lập mới 02 Khu công nghiệp, nâng tổng số Khu công nghiệp toàn tỉnh[1] là 09. Tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 79,5%.

- Hình thành mới 05 cụm công nghiệp; tăng tổng số Cụm công nghiệp[2] trên toàn tỉnh lên 25 cụm với tỷ lệ lấp đầy đạt 40%.

- Diện tích làm mới thêm tại các khu, cụm công nghiệp đạt trên 500 ha nâng tổng diện tích các khu, cụm công nghiệp trên toàn tỉnh đạt 3.550 ha.

- Tỷ lệ các khu công nghiệp có công trình xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn: 41,7%.

- Hoàn thành đi vào hoạt động thêm 07 dự án thuỷ điện (78MW) nâng tổng số công suất các dự án năng lượng hết năm 2026 là 1.846 MW.

- Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện đảm bảo chất lượng, an toàn toàn tỉnh đạt 95,39%.

(Chi tiết tại Biểu 01)

III. NHIỆM VỤ

1. Tái cơ cấu ngành công nghiệp theo chiều sâu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển kinh tế tuần hoàn

1.1 Phát triển chuỗi giá trị chế biến sâu các ngành công nghiệp chủ lực

- Thu hút các dự án công nghệ cao, hiện đại để sản xuất ra các sản phẩm cuối cùng từ các khoáng sản thế mạnh như Apatit (sản xuất hóa chất phốt pho, axit photphoric, phốt pho đỏ), Đồng (sản xuất dây điện, dây cáp điện công nghệ cao, thiết bị điện dân dụng, dây cáp điện cao thế, hạ thế và dây cáp điện xuyên biển), Graphit (sản xuất điện cực, vật liệu chịu lửa) và Đất hiếm. Đặc biệt, tiếp tục thu hút 01 dự án sản xuất dây cáp đồng.

- Tập trung đẩy mạnh hợp tác quốc tế với Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ để thu hút công nghệ và đầu tư vào chế biến sâu đất hiếm, đồng và phốt pho gắn trực tiếp với KCN Tằng Loỏng.

- Tại KCN Tằng Loỏng và Khu kinh tế, tập trung đôn đốc các dự án: Công

---

[1] Về Khu Công nghiệp: Hiện trạng đến 31/12/2025 có 07 khu với diện tích 2.148,48ha (KCN Bắc Duyên Hải điều chỉnh giảm diện tích cho phù hợp quy hoạch (QH-316) từ 85ha xuống 66ha). Năm 2026 dự kiến thành lập mới ít nhất 02 khu (KCN Bản Qua 107ha, KCN Võ Lao khoảng 480ha). Đến hết năm 2026 dự kiến có 9 KCN với diện tích khoảng 2.735,48ha). Trong đó, KCN Đông Phố Mới có kế hoạch di dời, dự kiến chuyển vào KCN Bát Xát (KCN Bát Xát đang được đưa đề xuất vào trong Quy hoạch tỉnh).

[2] Về cụm công nghiệp: Hiện trạng đến 31/12/2025 có 22 CCN với diện tích 843,78ha. Năm 2026 dự kiến thành lập mới ít nhất 05 CCN (cụm: Bảo Minh 60ha, Bảo Hưng 2 là 50ha, An Thịnh 30ha, Bản Phung 40ha; Yên Hợp GĐ II là 63ha). Rút khỏi quy hoạch 02 CCN (do nằm trong dự án đường sắt Cao tốc Hải phòng - Lào Cai) là CCN Đông phố mới 3,5ha, cụm Sơn Mãn 7,5ha). Vì vậy, hết năm 2026 toàn tỉnh dự kiến có 25 CCN (với diện tích 1.075,78ha)

ty CP Tân Hưng Thịnh Lào Cai; Dây chuyền xử lý, tái chế Gyps 850.000 tấn/năm (DAP2); Xưởng xử lý, chế biến thạch cao 800.000 tấn/năm (Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai); Nhà máy sản xuất dược liệu, tân dược và vật tư y tế (Công ty CP Vitamec); Giai đoạn 1 Dự án nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại (Công ty CPDV xử lý môi trường xanh Việt Sơn) đi vào vận hành đúng thời hạn trong năm 2026.

- Cập nhật định kỳ và phổ biến rộng rãi trên các kênh xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư (danh mục tại Đề án 08) để mời gọi các nhà đầu tư, tập đoàn lớn, có kinh nghiệm, có tiềm lực kinh tế đầu tư thực hiện các dự án có quy mô phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các dự án sản xuất công nghiệp: Nắm bắt và tổng hợp toàn diện các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, đặc biệt là các dự án khai thác, chế biến khoáng sản (*quặng Apatit, quặng đồng, quặng sắt, Secpentin, đá trắng…*) để đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất công nghiệp khác. Hướng dẫn các địa phương về chuyên môn nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp về đất đai, tài nguyên môi trường.

1.2 Nâng cao giá trị chế biến nông, lâm sản đặc hữu

- Thu hút các dự án chế biến sâu các sản phẩm từ quế, gỗ rừng trồng, dược liệu: Thu hút đầu tư vào chế biến sâu các sản phẩm từ quế, gỗ rừng trồng, dược liệu, nông sản khác theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong và ngoài nước, chuyển dịch từ xuất khẩu thô sang các sản phẩm có thương hiệu và giá trị cao. Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ đầu tư công nghệ bảo quản sau thu hoạch và công nghệ chế biến nhằm giảm tổn thất và nâng cao giá trị. Hình thành các cụm công nghiệp chuyên ngành gắn với các vùng nông sản đặc hữu như chế biến quế.

- Xây dựng chuỗi quế tuần hoàn: Đầu tư xây dựng nhà máy viên nén sinh khối từ bã quế sau chưng cất tinh dầu, tạo thành chuỗi giá trị khép kín, giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả kinh tế. Thực hiện các mô hình nông nghiệp xanh, giảm phát thải, tuần hoàn và chuỗi giá trị bền vững.

- Ứng dụng truy xuất nguồn gốc cho Quế: Xây dựng 01 hệ thống quản lý dữ liệu không gian (WebsGIS) gắn với truy xuất nguồn gốc đối với ngành hàng chủ lực Quế trên địa bàn tỉnh, vận hành bởi cơ quan quản lý và các doanh nghiệp tham gia chuỗi. Điều này giúp nâng cao uy tín, thương hiệu sản phẩm quế Lào Cai trên thị trường quốc tế.

- Phát triển vùng nguyên liệu nông, lâm sản tập trung gắn với các cơ sở chế biến công nghiệp theo chuỗi giá trị bền vững; ưu tiên các sản phẩm chủ lực của tỉnh như chè, dược liệu, chuối, dứa… đồng thời, phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch tại vùng nguyên liệu, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng nguyên liệu cung cấp cho các nhà máy chế biến.

- Tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp chế biến với hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân, tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất bền vững như GAP, GACP, hữu cơ…

1.3. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp mới

- Tham mưu lồng ghép các nội dung chính sách ưu đãi: Tham mưu lồng ghép các nội dung chính sách ưu đãi của tỉnh đối với phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ vào nội dung Chính sách thu hút doanh nghiệp chung của tỉnh. Việc này nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng, dịch vụ hỗ trợ cho các ngành công nghiệp chủ lực.

1.4. Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và sản xuất sạch hơn

- Chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng tuần hoàn: Đôn đốc chuyển đổi mô hình sản xuất tại các doanh nghiệp công nghiệp hiện hữu theo hướng tận dụng, tái sử dụng, tái chế chất thải, phế liệu. Giải quyết dứt điểm các vấn đề môi trường tồn đọng như bãi thải gyps, ứng dụng công nghệ tuyển khô trong khai khoáng và thu hồi phụ phẩm, khí thải để tạo ra sản phẩm mới. Đôn đốc các đơn vị đẩy mạnh cải tiến quy trình công nghệ theo hướng xanh, hiện đại như nghiên cứu, thí điểm công nghệ tuyển khô tại các nhà máy tuyển quặng apatit, đồng, sắt.

- Triển khai mô hình cộng sinh công nghiệp tại Tằng Loỏng thông qua việc thu hồi nhiệt thải từ chế biến DAP để cung cấp hơi nóng/sấy quế/dược liệu. Đôn đốc hoàn thành Dự án xử lý, tái chế gyps 850.000 tấn/năm (DAP2) và Dự án xử lý, tái chế gyps 800.000 tấn/năm (Công ty TNHH MTV hóa chất Đức Giang).

- Lồng ghép quy định về Khu công nghiệp sinh thái vào các văn bản pháp quy có liên quan về Khu công nghiệp, Khu kinh tế và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Hỗ trợ thực hiện các giải pháp cho các doanh nghiệp trong KCN nhằm tiết kiệm điện, nước, vật liệu, giảm phát thải CO2, tối ưu hóa việc tái sử dụng chất thải, thực hiện kinh tế tuần hoàn. Xây dựng cơ chế khuyến khích các hộ tiêu thụ sử dụng năng lượng sạch, tái tạo nhất là trong công nghiệp, xây dựng, giao thông.

2. Phát triển các Khu, Cụm công nghiệp theo hướng xanh, hiện đại

2.1 Quy hoạch và đầu tư đồng bộ hạ tầng các KCN, CCN

- Rà soát, điều chỉnh và triển khai quy hoạch các khu công nghiệp mới dọc theo các trục tăng trưởng chiến lược, đặc biệt là dọc cao tốc Nội Bài - Lào Cai và các ga đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hải Phòng. Tập trung hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp hiện có (Khu công nghiệp Phía Nam, Khu công nghiệp Minh Quân, Khu công nghiệp Âu Lâu).

- Tập trung thu hút, mời gọi các nhà đầu tư quan tâm đầu tư kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp đã được xác định theo quy hoạch. Triển khai đồ án quy hoạch quan trọng: Quy hoạch phân khu xây dựng KCN Cốc Mỳ - Trịnh Tường. Đẩy mạnh xúc tiến nhà đầu tư hạ tầng để hình thành các Khu công nghiệp mới như KCN Võ Lao, KCN Cốc Mỳ - Trịnh Tường, KCN Bản Qua.

- Đầu tư hoàn thiện, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, viễn thông) tại tất cả các KCN, CCN đã thành lập và đang hình thành. Lập danh mục các dự án, các khu chức năng trong cụm công nghiệp để kêu gọi đầu tư.

- Hình thành các CCN chuyên ngành gắn với các vùng nông sản đặc hữu (như chế biến quế, chè, dược liệu...).

2.2. Giải quyết dứt điểm vấn đề ô nhiễm môi trường tại các KCCN

- Hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn tại KCN phía Nam.

- Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn công nghiệp tập trung, áp dụng công nghệ hiện đại tại các khu, cụm công nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư các công trình xử lý chất thải, nước thải trong CCN.

- Tăng cường diện tích cây xanh, sử dụng nguyên liệu tái chế, ưu tiên năng lượng sạch, ứng dụng công nghệ thu gom và xử lý chất thải, nước thải tiên tiến tại các KCCN.

- Tổ chức thực hiện việc lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- Thực hiện quan trắc định kỳ, tăng cường giám sát, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng doanh nghiệp.

2.3. Đối với nhóm KCCN chuẩn bị hình thành

- Quy hoạch, bố trí các KCN, CCN mới dọc trục tăng trưởng chiến lược gắn với cao tốc Nội Bài - Lào Cai và các ga đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hải Phòng.

- Hỗ trợ Nhà đầu tư Tổng Công ty Viglacera - CTCP để tổ chức triển khai hoàn thành dự án Khu công nghiệp Trấn Yên theo quy hoạch và chủ trương đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Chuẩn bị điều kiện thu hút nhà đầu tư: Tiếp tục tham mưu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để hỗ trợ, thu hút các nhà đầu tư đến tìm hiểu, đề xuất dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp từ nguồn vốn ngoài ngân sách (KCN Y Can 350 ha, KCN Đông An 350 ha, KCN Thịnh Hưng 104 ha, KCN Lục Yên 221 ha và phần mở rộng KCN Minh Quân 88 ha).

- Thu hút nhà đầu tư thực hiện dự án kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Bản Qua, KCN Cốc Mỳ - Trịnh Tường và KCN Võ Lao.

2.4. Đối với nhóm KCCN cần di dời, sắp xếp lại

- Rà soát, đánh giá toàn diện các KCN, CCN cũ có nguy cơ ô nhiễm, hiệu quả thấp, quy mô nhỏ, phân tán hoặc không còn phù hợp quy hoạch.

- Lập kế hoạch di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp ra khỏi khu dân cư vào các CCN đầu tư mới.

2.5. Chuyển đổi sang mô hình KCN sinh thái

- Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi KCN Tằng Loỏng sang mô hình KCN sinh thái. Triển khai Đề án chuyển đổi KCN Tằng Loỏng thành KCN sinh thái, Đề án di dời 400 hộ dân ra khỏi KCN Tằng Lỏong. Xây dựng phương án giá dịch vụ vận hành hạ tầng tại KCN Tằng Lỏong. Xây dựng Quy chế bảo vệ môi trường KCN Tằng Loỏng.

- Áp dụng các tiêu chí về KCN sinh thái ngay từ khâu quy hoạch và thu hút đầu tư đối với các KCN, CCN mới.

- Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin liên quan đến hệ thống quản lý, theo

dõi, giám sát và duy trì mô hình KCN sinh thái.

2.6. Xử lý nghiêm các dự án chậm tiến độ, nhà đầu tư yếu kém

- Tổ chức làm việc với các nhà đầu tư để xử lý, thu hồi các dự án không có khả năng triển khai thực hiện, các dự án thực hiện chậm tiến độ nhưng nhà đầu tư không có cam kết hoặc không có khả năng hoàn thành dự án.

- Thường xuyên rà soát các dự án đầu tư nhằm kịp thời phát hiện và tháo gỡ khó khăn, đồng thời có giải pháp xử lý đối với các dự án vi phạm quy định, chậm tiến độ, sử dụng lãng phí nguồn lực và hiệu quả thấp để tạo quỹ đất thu hút các nhà đầu tư mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư của các nhà đầu tư đã và đang nghiên cứu, khảo sát, thực hiện dự án đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Đảm bảo an ninh năng lượng và đẩy mạnh phát triển năng lượng sạch, tái tạo

3.1. Đa dạng hóa các nguồn cung năng lượng và Nâng cấp hiện đại hóa hạ tầng lưới điện

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án điện đã được quy hoạch. Mục tiêu năm 2026 là đưa thêm 07 dự án thủy điện vào vận hành, nâng tổng công suất lên 1.846 MW.

- Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện truyền tải và phân phối để giải tỏa hết công suất các nhà máy điện và đáp ứng nhu cầu phụ tải cho phát triển công nghiệp. Tập trung triển khai đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp từ 110kV trở lên.

- Hoàn thành mục tiêu xóa trắng nhóm từ 30 hộ trở lên có điện lưới quốc gia và đảm bảo điện cung ứng cho phát triển sản xuất công nghiệp và sinh hoạt. Mục tiêu đến năm 2026 là đạt tỷ lệ 95,39% số hộ được sử dụng điện an toàn toàn tỉnh.

- Rà soát, tổng hợp danh mục, nhu cầu đầu tư cấp điện cho các thôn, bản, cụm dân cư trên địa bàn tỉnh, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện.

3.2 Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Áp dụng các công nghệ và thực hành tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, xây dựng, giao thông. Đôn đốc các cơ sở sử dụng năng lượng, đặc biệt các cơ sở sử dụng nhiều điện, tiết kiệm ít nhất 2% điện năng hàng năm. Sử dụng các thiết bị dán nhãn hiệu suất cao, xây dựng hệ thống quản lý năng lượng, tuân thủ định mức năng lượng, ưu tiên công nghệ tiết kiệm năng lượng.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, thiết bị tiết kiệm năng lượng và xây dựng hệ thống quản lý năng lượng thông minh.

- Triển khai đôn đốc các đơn vị thực hiện nghiêm các quy định Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả. Tổng hợp và lập danh sách cơ sở ứng dụng năng lượng trọng điểm hàng năm. Tổ chức các chương trình đào tạo, hội thảo chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức và năng lực về tiết kiệm năng lượng. Tổ chức

Hội nghị tập huấn phổ biến Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý năng lượng.

4. Nâng cao năng lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

4.1. Thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao:

- Thúc đẩy, tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong các ngành hiện hữu (đặc biệt là luyện kim, hóa chất) tiếp cận về công nghệ và các giải pháp giảm tiêu hao năng lượng, tài nguyên, hướng tới sản xuất xanh.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, chuyển giao và ứng dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, công nghệ sạch trong chế biến sâu khoáng sản (công nghệ tuyển khoáng, luyện kim, hóa chất phốt pho, đồng điện phân, đất hiếm tinh khiết) và chế biến sâu nông sản, dược liệu đặc hữu của tỉnh. Tuyên truyền, giới thiệu các công nghệ tiên tiến, tham gia các hội trợ công nghệ.

- Hợp tác với Bộ Khoa học và Công nghệ và các viện (như Viện Công nghệ xạ hiếm, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam) để chuyển giao quy trình công nghệ hiện đại, hướng tới làm chủ chế biến sâu nguyên liệu địa phương.

4.2. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D):

- Ưu tiên dành nguồn lực để hỗ trợ các hoạt động Nghiên cứu và Phát triển (R&D) nội bộ hoặc hợp tác với các viện, trường, doanh nghiệp khoa học công nghệ để phát triển các giải pháp công nghệ phù hợp với đặc thù tài nguyên và điều kiện của tỉnh.

- Chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch có trọng tâm, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng cốt lõi về công nghệ xanh, quản lý năng lượng và chuyển đổi số, thông qua việc đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp (trong và ngoài tỉnh) để đáp ứng nhu cầu đổi mới công nghệ cấp thiết của các ngành công nghiệp chủ lực.

4.3 Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công nghiệp

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số, AI, IoT vào quản lý sản xuất, tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Xây dựng và triển khai thực hiện theo Kế hoạch phát triển kinh tế số giai đoạn 2026-2030.

- Ứng dụng công nghệ mới (5G, IoT, mạng băng thông siêu rộng) để phục vụ phát triển đô thị thông minh, khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế.

- Thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào hạ tầng công nghiệp số, đặc biệt trong các khu, cụm công nghiệp: quản lý sản xuất thông minh, số hóa dây chuyền sản xuất, ứng dụng robot và tự động hóa.

- Tuyên truyền, vận động doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ số trong sản xuất công nghiệp (quản trị sản xuất thông minh, robot, tự động hóa, dây chuyền số hóa).

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Chủ động xây dựng và triển khai Kế hoạch có trọng tâm, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng cốt lõi về công nghệ xanh, quản lý năng lượng và chuyển đổi số, thông qua việc đẩy mạnh hợp tác với các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước: Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về công nghiệp, môi trường, khoa học công nghệ và kế hoạch đầu tư về các kiến thức, kinh nghiệm phát triển công nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số. Hoàn thiện bộ máy, cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý và điều hành các hoạt động công nghiệp xanh.

- Hỗ trợ công tác đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm cho người dân bị thu hồi đất nông nghiệp trong vùng quy hoạch công nghiệp.

6. Phát triển tài chính xanh

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng cấp tín dụng cho khách hàng thực hiện các dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, ưu tiên công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và kinh tế tuần hoàn.

- Tham mưu bố trí vốn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp.

IV. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ

Nhu cầu vốn thực hiện Đề án năm 2026 là 21.882 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách địa phương: 1.665 tỷ đồng (chiếm 7,61% tổng nhu cầu vốn)

- Vốn ngân sách TW: 179 tỷ đồng (chiếm 0,82 % tổng nhu cầu vốn)

- Vốn doanh nghiệp: 20.038 tỷ đồng (chiếm 91,57% tổng nhu cầu vốn)

(Chi tiết tại Biểu 02)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương: là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tổng hợp, theo dõi, đôn đốc và định kỳ báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã/phường và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển chuỗi giá trị chế biến sâu và thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển các cụm công nghiệp. Triển khai các hoạt động các hoạt động tuyên truyền, vận động doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất công nghiệp.

2. Sở Tài chính: chủ trì các nhiệm vụ trọng tâm về thu hút đầu tư, tài chính và xử lý các dự án kém hiệu quả. Chủ trì tham mưu bố trí vốn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển công nghiệp. Tham mưu ưu tiên nguồn lực để tổ chức giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ phát triển công nghiệp.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế và Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh: Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Phát triển các Khu công nghiệp theo hướng xanh, hiện đại. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghiệp quan trọng đi vào vận hành đúng thời hạn. Triển khai lộ trình chuyển đổi ít nhất 01 KCN hiện hữu (Tằng Loỏng) sang mô hình KCN sinh thái. Tổ chức làm việc với các nhà đầu tư để xử lý, thu hồi các dự án không có khả năng triển khai thực hiện.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: chủ trì phối hợp với các đơn vị triển khai các nhiệm vụ về chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công nghiệp.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các quy định pháp luật về quản lý tài nguyên đất đai, khoáng sản và bảo vệ môi trường theo quy định.

Chủ trì phát triển và quản lý vùng nguyên liệu nông, lâm sản phục vụ chế biến công nghiệp; hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với doanh nghiệp chế biến.

Phối hợp với Sở Công Thương, các địa phương thu hút đầu tư các dự án chế biến nông, lâm sản và dược liệu. Triển khai các mô hình nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải cung cấp nguyên liệu bền vững cho ngành công nghiệp chế biến.

6. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường liên quan: Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chủ trì trong tổ chức thực hiện đề án.

(Chi tiết tại Biểu 03)

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện về Sở Công Thương trước ngày 15 các tháng cuối quý; Sở Công Thương (cơ quan chủ trì tham mưu thực hiện Đề án 08-ĐA/TU) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 của các tháng cuối quý (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12).

2. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động gửi ý kiến về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KT(MĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Ngô Hạnh Phúc